

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

NGUYỄN VĂN TOÀN

**ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ
Ở NGƯỜI KHƠ MÚ VÀ NGƯỜI HMÔNG,
HUYỆN KỶ SƠN, TỈNH NGHỆ AN**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NHÂN HỌC

HÀ NỘI - 2013

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

NGUYỄN VĂN TOÀN

**ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ
Ở NGƯỜI KHƠ MÚ VÀ NGƯỜI HMÔNG,
HUYỆN KỲ SƠN, TỈNH NGHỆ AN**

Chuyên ngành: Nhân học Văn hóa

Mã số: 62 31 65 01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NHÂN HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- 1. PGS. TS. Nguyễn Văn Chính**
- 2. PGS. TS. Vương Xuân Tình**

HÀ NỘI - 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Nếu có gì gian dối tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Hà Nội, ngày 11 tháng 06 năm 2013

Nghiên cứu sinh

Nguyễn Văn Toàn

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận án này, tôi đã nhận được sự giúp đỡ của các cơ quan, đơn vị: Đoàn 871, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; Khoa Dân tộc học, Học viện Khoa học Xã hội; Viện Dân tộc học; Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng; Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Nghệ An, Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh Nghệ An, Ủy ban Dân tộc TW; UBND tỉnh Nghệ An; Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An; UBND huyện Kỳ Sơn và các cơ quan ban ngành của tỉnh, huyện, xã tại địa bàn nghiên cứu; Ban quản lý bản và đồng bào Khơ mú và Hmông ở các bản: Na Nhu, Bình Sơn 1, Sơn Hà, Trường Sơn thuộc xã Tà Cạ và xã Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn, Nghệ An. Đồng thời, tôi đã nhận được sự hướng dẫn khoa học tận tình của tập thể các thầy hướng dẫn, sự giúp đỡ quan trọng về tư liệu của các bậc lão thành tại huyện Kỳ Sơn là các ông Moong Văn Nghệ - người Khơ mú và ông Vừ Chông Pao – người Hmông; sự giúp đỡ và động viên của gia đình, bạn bè và đồng nghiệp.

Trước hết, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến tập thể các thầy hướng dẫn là PGS. TS Nguyễn Văn Chính và PGS. TS Vương Xuân Tình. Các thầy đã hướng dẫn cho tôi trong suốt quá trình làm luận án, từ gợi mở hướng nghiên cứu, hướng dẫn khoa học, giúp đỡ tài liệu và chỉ dẫn những ý kiến sâu sắc cả về phương pháp và nội dung nghiên cứu để tôi có thể hoàn thành luận án này.

Tôi xin chân thành cảm ơn Đoàn 871, Tổng cục Chính trị; Khoa Dân tộc học, Học viện Khoa học Xã hội; Viện Dân tộc học; Học viện Chính trị và các cơ quan, đơn vị, ban ngành đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ tôi trong quá trình nghiên cứu.

Sau nữa, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đến các thầy, các nhà khoa học trong Khoa Dân tộc học; Viện Dân tộc học; các ông Moong Văn Nghệ, Vừ Chông Pao; gia đình và người thân, các đồng chí và các bạn, nhất là đồng bào Khơ mú và Hmông tại hai xã Tà Cạ và Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An đã tạo điều kiện giúp đỡ và cho tôi nhiều ý kiến bổ ích.

Tôi xin trân trọng cảm ơn mọi sự giúp đỡ quý báu đó!

MỤC LỤC

	Trang
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các chữ viết tắt	
Danh mục các bảng	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ, CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	7
1.1. Tổng quan nghiên cứu về định canh định cư	7
1.2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu	19
Tiểu kết chương 1	34
Chương 2: KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU: HUYỆN KỶ SƠN, TỈNH NGHỆ AN	35
2.1. Điều kiện tự nhiên	35
2.2. Đơn vị hành chính, dân số và dân tộc	36
2.3. Điều kiện kinh tế - xã hội	38
2.4. Người Khơ mú và người Hmông ở huyện Kỳ Sơn	42
2.5. Khái quát về các điểm nghiên cứu	45
Tiểu kết chương 2	48
Chương 3: CHÍNH SÁCH ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ Ở VIỆT NAM VÀ THỰC HIỆN ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ Ở HUYỆN KỶ SƠN, TỈNH NGHỆ AN (TỪ NĂM 1968 ĐẾN NAY)	49
3.1. Nông nghiệp nương rẫy ở Việt Nam	49
3.2. Chủ trương, chính sách định canh định cư của Đảng và Nhà nước	51
3.3. Quá trình thực hiện định canh định cư ở huyện Kỳ Sơn, Nghệ An	63
Tiểu kết chương 3	69
Chương 4: ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ Ở NGƯỜI KHƠ MÚ, HUYỆN KỶ SƠN, TỈNH NGHỆ AN	70
4.1. Làng định cư	70
4.2. Các hoạt động kinh tế	76

4.3. Giáo dục	87
4.4. Y tế	89
4.5. An sinh xã hội và quốc phòng an ninh	90
Tiểu kết chương 4	94
Chương 5: ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ Ở NGƯỜI HÔNG, HUYỆN KỶ SƠN, TỈNH NGHỆ AN	96
5.1. Làng định cư	96
5.2. Các hoạt động kinh tế	103
5.3. Giáo dục	113
5.4. Y tế	115
5.5. An sinh xã hội và quốc phòng an ninh	117
Tiểu kết chương 5	120
Chương 6: KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN	122
6.1. Về hệ thống kinh tế nương rẫy cổ truyền của người Khơ mú và người Hông	122
6.2. Về mô hình định canh định cư ở người Khơ mú và người Hông	124
6.3. Về chính sách và thực hành định canh định cư	132
6.4. Vấn đề đói nghèo, biến đổi và thích ứng văn hóa ở người Khơ mú và người Hông	137
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	142
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ	146
TÀI LIỆU THAM KHẢO	147
PHỤ LỤC	159
Phụ lục 1: Các bảng số liệu liên quan đến nội dung luận án	159
Phụ lục 2: Bảng hỏi điều tra xã hội học tại địa bàn nghiên cứu	174
Phụ lục 3: Một số hình ảnh về cuộc sống định canh định cư của người Khơ mú và Hông ở huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	193

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

- BCH	Ban chấp hành
- CNXH	Chủ nghĩa Xã hội
- CTQG	Chính trị Quốc gia
- DCDC	Du canh du cư
- ĐCĐC	Định canh định cư
- ĐCĐC & KTM	Định canh định cư & Kinh tế mới
- FAO	Food and Agriculture Organization of the United Nations Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hiệp quốc
- HĐND	Hội đồng nhân dân
- HTX	Hợp tác xã
- KTM	Kinh tế mới
- Nxb	Nhà xuất bản
- NQ	Nghị quyết
- NN & PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- QĐND	Quân đội nhân dân
- TW	Trung ương
- UBND	Ủy ban nhân dân
- UNDP	United Nations Development Program Cơ quan Phát triển Liên hiệp quốc
- UNEP	United Nations Environment Program Chương trình Môi trường Liên hiệp quốc
- UNESCO	United Nations Educational Scientific and Cultural Organization Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hiệp quốc
- UNFCCC	United Nations Framework Convention on Climate Change Công ước Khung Liên hiệp quốc về Biến đổi Khí hậu

DANH MỤC CÁC BẢNG

BẢNG	Trang
Bảng 2.1: Diện tích nương rẫy gieo trồng một số cây hàng năm ở huyện Kỳ Sơn, Nghệ An	159
Bảng 2.2: Sản lượng một số cây trồng hàng năm ở huyện Kỳ Sơn	159
Bảng 2.3: Kết quả chăn nuôi gia súc, gia cầm của huyện Kỳ Sơn giai đoạn 2002 - 2010	160
Bảng 3.1: Các giai đoạn thực hiện chính sách ĐCĐC ở Việt Nam	160
Bảng 3.2: Số hộ đồng bào các dân tộc tham gia HTX và tập đoàn sản xuất ở huyện Kỳ Sơn (1962)	163
Bảng 3.3: Tình hình thực hiện ĐCĐC và tham gia HTX ở các dân tộc huyện Kỳ Sơn (1976)	163
Bảng 4.1: Loại hình gia đình của người Khơ mú ở xã Tà Cạ hiện nay	164
Bảng 4.2: Sự thay đổi qui mô hộ gia đình trước và sau ĐCĐC ở hai bản người Khơ mú, xã Tà Cạ	164
Bảng 4.3: Tình hình sử dụng ngôn ngữ của người Khơ mú ở huyện Kỳ Sơn hiện nay	164
Bảng 4.4: Diện tích và sản lượng lúa nước của người Khơ mú tại hai bản Na Nhu và Bình Sơn 1	165
Bảng 4.5: So sánh năng suất và sản lượng lúa rẫy của người Khơ mú ở hai bản Na Nhu và Bình Sơn 1 trước và sau ĐCĐC	165
Bảng 4.6: So sánh diện tích nương rẫy trước ĐCĐC và hiện nay ở hai bản Khơ mú, xã Tà Cạ	166
Bảng 4.7: Tình hình chăn nuôi ở hai bản người Khơ mú, xã Tà Cạ	166
Bảng 4.8: Số liệu về vườn nhà ở hai bản người Khơ mú, xã Tà Cạ	166
Bảng 4.9: Một số sản phẩm hái lượm của người Khơ mú ở Kỳ Sơn hiện nay	167

Bảng 4.10: Tỷ lệ hộ nghèo tính theo dân tộc ở hai xã Tà Cạ và Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn	167
Bảng 4.11: Tình trạng thiếu lương thực ở hai bản người Khơ mú, xã Tà Cạ trước và sau ĐCĐC	168
Bảng 4.12: Phương thức ứng phó với tình trạng thiếu lương thực tại hai bản người Khơ mú, xã Tà Cạ trước và sau định cư	168
Bảng 5.1: Loại hình gia đình của người Hmông tại hai bản Sơn Hà và Trường Sơn hiện nay	169
Bảng 5.2: Sự thay đổi qui mô hộ gia đình của người Hmông trước và sau ĐCĐC ở bản Sơn Hà và Trường Sơn	169
Bảng 5.3: Tình hình sử dụng ngôn ngữ của người Hmông ở Kỳ Sơn hiện nay	170
Bảng 5.4: Nguồn gốc sử dụng đất nương rẫy của người Hmông ở hai bản Sơn Hà và Trường Sơn	170
Bảng 5.5: So sánh năng suất và sản lượng lúa rẫy của người Hmông ở hai bản Sơn Hà và Trường Sơn trước và sau ĐCĐC	171
Bảng 5.6: So sánh diện tích nương rẫy trước ĐCĐC và hiện nay ở bản Sơn Hà và bản Trường Sơn	171
Bảng 5.7: Tình trạng thiếu đất sản xuất của người Hmông ở bản Sơn Hà và bản Trường Sơn hiện nay	172
Bảng 5.8: Tình hình chăn nuôi của người Hmông ở hai bản Sơn Hà và Trường Sơn	172
Bảng 5.9: Tình hình thiếu lương thực của người Hmông ở bản Sơn Hà và bản Trường Sơn	173
Bảng 5.10: Phương thức ứng phó với tình trạng thiếu lương thực của người Hmông ở Kỳ Sơn trước và sau định cư	173

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Du canh du cư và định canh định cư được coi là hai lối sống phổ biến của cư dân nông nghiệp trên thế giới. Du canh du cư thường tồn tại ở các cư dân canh tác nương rẫy miền núi, vùng cao. Từ nhiều thập kỷ nay, các nhà nước khắp nơi trên thế giới đang đẩy mạnh thực hiện định canh định cư đối với các nhóm cư dân du canh và du cư. Việc chuyển đổi lối sống du canh sang định canh định cư đã và đang là mối quan tâm lớn trong chính sách phát triển của hầu hết các quốc gia - nơi những người dân du canh đang sinh sống. Sự thành công của chương trình định canh định cư phụ thuộc chủ yếu vào chính sách và thực hành chính sách của mỗi quốc gia. Chương trình định canh định cư mà các chính phủ đang theo đuổi đã tạo ra những thay đổi lớn trong đời sống xã hội người dân du canh bao gồm cả những rủi ro và thách thức. Từ quan điểm của các nhà nước, định canh định cư thường được nhìn nhận là một sự can thiệp cần thiết để phát triển các nhóm cư dân du canh.

Cũng như nhiều nước từ Nam Mỹ, châu Phi cho đến Đông Nam Á, miền núi Việt Nam đang đứng trước những thách thức khá gay gắt về kinh tế xã hội và môi trường. Cho nên, vấn đề định canh định cư các dân tộc du canh được coi là một yêu cầu cấp thiết trong chiến lược phát triển không những của Việt Nam mà còn của nhiều quốc gia trên thế giới [64, tr. 5].

Vùng miền núi Việt Nam chiếm $\frac{3}{4}$ lãnh thổ đất liền của quốc gia (không kể hải phận, vùng đặc quyền kinh tế trên biển, các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa) là nơi sinh sống tập trung của các dân tộc thiểu số. Phần lớn các dân tộc thiểu số nước ta sống dựa vào canh tác nương rẫy; trong đó, đồng bào Kơ mú và Hmông được xem là những đại diện tiêu biểu. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng đến những năm giữa thế kỷ XX, du canh truyền thống ở nước ta bị phá vỡ do sức ép dân số và những nguyên nhân khác đã tạo ra khủng hoảng trong nông nghiệp nương rẫy vùng cao với nhiều hậu quả về kinh tế xã hội và môi trường [15], [60]. Vì thế, ngay từ những năm 1960, Đảng và Nhà nước đã sớm đề ra chính sách định canh định cư đối